

Bản án số: **61/2024/HS-ST**
Ngày: **17/7/2024**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N HÒA, TỈNH KH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Tha**

Ông **Nguyễn Văn Tôn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát dân thị xã N Hòa tham gia phiên tòa:

Ông **Trần Thanh Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N Hòa, tỉnh KH Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2024/TLST-HS ngày 12/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HS ngày 27/6/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T (tên thường gọi Bành Anh), sinh năm 1989 tại Vạn N, KH H.

Nơi cư trú: thôn Bình Trung 2, xã Vạn Bình, Hện Vạn N, tỉnh KH Hòa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Q tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Đình Minh, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Dân, sinh năm 1963; vợ, con: không có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2024 tại nhà tạm giữ Công an thị xã N H, tỉnh KH H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1955

Địa chỉ: tổ dân phố 01 Đông Hải, phường N Hải, thị xã N Hòa, tỉnh KH Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đặng Văn H, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: thôn Trung Đông 3, xã Vạn Bình, Hện Vạn N, tỉnh KH H.

2. Ông Võ PH T, sinh năm: 1979

Địa chỉ: tổ dân phố 09, thị trấn Vạn Giã, Hện Vạn N, tỉnh KH H.

3. Ông Nguyễn Tường VN, sinh năm: 1982

Địa chỉ: tổ dân phố 03, thị trấn Vạn Giã, Hện Vạn N, tỉnh KH H.

4. Bà Võ Thị H, sinh năm: 1960

Địa chỉ: thôn T Đức, xã Vạn Lương, Hện Vạn N, tỉnh KH H.
Đều vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Kim S, sinh năm: 1983, có mặt.
2. Bà Cát Thị T, sinh năm: 1962, vắng mặt.
3. Bà Hồ Cát Minh D, sinh năm: 1986, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 26/03/2017, Hồ Duy KH, Nguyễn Đình T rủ Nguyễn Ngọc Q, Hồ Minh C, Huỳnh Đoan Thụy, Phạm PH, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T đi đến nhà bà Nguyễn Thị C tại tổ dân phố 01 Đông Hải, phường N Hải, thị xã N Hòa, tỉnh KH H để chiếm đoạt 01 cái tủ được đóng bằng gỗ “Huỳnh Đàn”. Tất cả cùng đồng ý rồi chờ nhau bằng xe mô tô đến nhà bà C, khi đi nhóm của T cầm theo một bao tải đựng hung khí (cây gỗ, dao tự chế). Đến nơi, cả nhóm dựng xe bên ngoài hàng rào nhà bà C, KH đứng ngoài canh giới, những người còn lại cầm hung khí đi vào nhà, thấy cửa nhà bà C đang đóng, T cùng đồng phạm dùng tay giật bung chốt cửa, đi vào trong nhà, lúc này bà C và con dâu là Lê Thị Kim S đang ngủ trong phòng, nghe tiếng động nên thức dậy đi ra thì PH và N cầm cây, dao chặn cửa phòng đe dọa bà C và bà S im lặng, không được la hét và ở yên trong phòng, bà C và bà S sợ hãi nên làm theo. Sau đó T cùng đồng phạm tiếp tục tìm kiếm trong nhà bà C và phát hiện 01 tủ gỗ “Huỳnh Đàn”, cả nhóm khiêng tủ ra ngoài để lên xe mô tô do T điều khiển chờ TH ngồi phía sau xe ôm tủ chở đi. Đến khu vực ngã ba Xuân Sơn, Hện Vạn N thì T cùng đồng phạm dừng lại, dùng dao phá dỡ tủ gỗ thành nhiều mảnh gỗ rồi bỏ vào bao tải, chở về nhà C cất giấu. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, C gọi cho Đặng Văn H nhờ tìm người mua gỗ “Huỳnh Đàn”, sau đó H dẫn ông Võ PH T đến nhà C kiểm tra gỗ và thỏa thuận mua bán 20 kg gỗ “Huỳnh Đàn” với giá 74.000.000 đồng, C lấy tiền và cho ông Đặng Văn H 3.000.000 đồng, số tiền còn lại C cùng đồng phạm chia nhau tiêu xài cá nhân.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được 12,35 kg gỗ “Huỳnh Đàn”; 11,5 kg gỗ “Dáng H Trái To”, 01 kg gỗ “Kiền Kiền” tháo từ tủ gỗ mà nhóm của T đã chiếm đoạt.

Tại kết luận định giá tài sản số 82 ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã N Hòa kết luận: 12,35 kg gỗ Huỳnh Đàn có giá trị 39.520.000 đồng; 11,5 kg gỗ Dáng H Trái To có giá trị 106.700 đồng; 01 kg gỗ Kiền Kiền không xác định rõ khối lượng (m³) nên Hội đồng không tiến hành định giá. (Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt chứng minh được là: 20 kg gỗ “Huỳnh Đàn” có giá trị 64.000.000 đồng; 11,5 kg gỗ “Dáng H trái to” có giá trị 106.700 đồng).

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Đình T bỏ trốn đến ngày 20/02/2024 T đến cơ quan Công an thị xã N H đầu thú. Quá trình điều tra, Nguyễn Đình T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Vật chứng vụ án: 12,35 kg gỗ Huỳnh Đàn; 11,5 kg gỗ Dáng H Trái To; 01 kg gỗ Kiền Kiền đã trả cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình T bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng.

Trong vụ án này, Hồ Duy KH đã chết nên không xem xét trách nhiệm hình sự; Phạm Văn N hiện đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra đối với bị can, khi nào bắt được sẽ xử lý sau; những người tham gia mua gỗ là tài sản do bị cáo cùng đồng phạm chiếm đoạt gồm Đặng Văn H, Võ PH T, Võ Thị H qua điều tra xác định họ không biết tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự; Nguyễn Ngọc Q, Hồ Minh C, Huỳnh Đoan Thụy, Phạm PH, Nguyễn Văn T đã bị xét xử tại Bản án số 23/2019/HS-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã N H về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản Cáo trạng số: 63/CT-VKS-NH ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N Hòa, tỉnh KH Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000đ theo yêu cầu của bị hại.

- Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000đ.

- Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N H phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Đình T về tội danh nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 168; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/02/2024.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 30.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Đặng Văn H, ông Võ PH T, ông Nguyễn Tường VN, bà Võ Thị H vắng mặt tại phiên tòa nên trách nhiệm dân sự được giải quyết bằng vụ việc dân sự khi có yêu cầu.

+ Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 23/2019/HS-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã N H.

+ Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N H.

- Bị cáo nói lời sau cùng có nội dung như sau: “Bị cáo chân thành xin lỗi bị hại, bị cáo nhận thức hành vi của mình là phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng Cát Thị T, Hồ Cát Minh D vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai tại hồ sơ và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của đồng phạm khác, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 26/03/2017, Nguyễn Đình T, Hồ Duy KH, Nguyễn Ngọc Q, Hồ Minh C, Huỳnh Đoàn Thụy, Phạm PH, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng PH tiện nguy hiểm đe dọa và chiếm đoạt 01 tủ gỗ của bà Nguyễn Thị C có tổng giá trị 64.106.700 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N H truy tố bị cáo về tội danh là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo cùng đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò cụ thể của từng người mà chỉ cùng nhau thực hiện tội phạm nên vị trí, vai trò của bị cáo và đồng phạm là như nhau. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình T là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây tác động xấu đến T hình an N trật tự an toàn xã hội tại địa pH. Bản thân bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì

lười lao động mà bị cáo cố ý chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác để tiêu sài cá nhân thể hiện thái độ liều lĩnh và xem thường pháp luật, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn đến ngày 20/02/2024 bị cáo đầu thú, hành vi của bị cáo đã gây trở ngại rất lớn cho hoạt động tố tụng hình sự nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt cao hơn các đồng phạm khác đã bị xét xử, bằng hình phạt tù có thời hạn để phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về T tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần thiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo sớm H nhập cộng đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng: xe mô tô bị cáo dùng vào việc phạm tội quá trình điều tra chưa thu giữ được xe, không xác định được biển kiểm soát và thông tin liên quan đến PH tiện nên yêu cầu cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã N Hòa tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định pháp luật. Những nội dung khác đã được giải quyết tại Bản án số 23/2019/HS-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã N H, tỉnh KH H.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 30.000.000đ.

Trách nhiệm dân sự của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đặng Văn H, ông Võ PH T, ông Nguyễn Tường VN, bà Võ Thị H được giải quyết bằng vụ việc dân sự khi có yêu cầu.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về các nội dung khác: Trong vụ án này, Hồ Duy KH đã chết nên không xem xét trách nhiệm hình sự; Phạm Văn N hiện đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra đối với bị can khi nào bắt được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Ông Đặng Văn H, ông Võ PH T, bà Võ Thị H qua điều tra xác định họ không biết tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã N Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d, đ, khoản 2 Điều 168; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Điều 106; Điều 260; Điều 292; Điều 293, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/02/2024 (hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã N H, tỉnh KH H).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị C số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền bồi thường thiệt hại) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trách nhiệm dân sự của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đặng Văn H, ông Võ PH T, ông Nguyễn Tường VN, bà Võ Thị H được giải quyết bằng vụ việc dân sự khi có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng: Yêu cầu cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã N Hòa tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định pháp luật đối với xe mô tô bị cáo sử dụng làm pH tiện phạm tội.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh KH Hòa;
- VKSND tỉnh KH Hòa;
- VKSND thị xã N Hòa;
- Công an thị xã N Hòa;
- Chi cục THADS thị xã N Hòa;
- Những người TGT;
- Lưu án văn; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích